TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 04 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Vĩnh Thịnh

Bà Dương Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp X, xã CB, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1991

Địa chỉ: XYZ, Nhật Bản.

(Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2019 và đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 24/5/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà và ông L chung sống có hạnh phúc, cùng chí thú làm ăn. Tuy nhiên, từ khi bà sinh con vào năm 2013, xuất

phát từ sự hiểu lầm, bà bị cô chồng, cha chồng chửi bởi nên ôm con về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Thỉnh thoảng ông L có đến thăm con nhưng không nói gì đến chuyện hàn gắn. Sau đó, ông L đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản từ năm 2016 cho đến nay và không gửi tiền phụ bà nuôi con. Bà nhận thấy hiện tại hai bên mỗi người một nơi, không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 01/4/2013, bà yêu cầu giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi cháu Lộc, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 20/02/2018, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông biết được sự việc bà Nguyễn Thị Thanh T nộp đơn ra Tòa yêu cầu giải quyết ly hôn với ông. Ông có trình bày về điều kiện tiến tới hôn nhân, mâu thuẫn phát sinh giữa ông và bà T và con chung của ông bà như bà Tân trình bày. Nay với yêu cầu xin ly hôn với bà T thì bà cũng đồng ý. Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 01/4/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề giải quyết. Hiện tại, ông đang đi hợp tác lao động ở Nhật Bản nên không thể về tham dự phiên tòa giải quyết việc ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đang ở Việt Nam, bị đơn ông Nguyễn Văn L hiện đang ở nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Trôm và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/5/2012 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng bà T và ông L chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn xuất phát từ sự việc bà T bị cô chồng và cha chồng nói lời xúc phạm nên đã đam con về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì ông L đi hợp tác lao động ở Nhật Bản từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại thì ông L ở Nhật Bản, bà T ở Việt Nam, cách xa nhau về khoảng cách địa lý, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở và ông L cũng đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 01/4/2013. Bà T và ông L thống nhất cháu Lộc đang sống với bà T, ông L đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc và ông L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu L1 và bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hữu L1, sinh ngày 01/4/2013. Hiện tại, cháu Nguyễn Hữu L1 đang sống chung với bà Nguyễn Thị Thanh T nên bà T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lộc. Ghi nhận bà T và ông L thống nhất ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006756 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thế Xương